

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 267 /PBHC-TCKT
V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính 6 tháng
đầu năm 2013 (sau kiểm toán)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2013

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM.

Thực hiện thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí – Công ty Cổ Phần kính gửi Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 sau kiểm toán như sau:

1. Báo cáo tài chính Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013;
2. Báo cáo tài chính Công ty Mẹ 6 tháng đầu năm 2013.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD; P.TGD N.V.T;
- Ban TCKT; KTNB;
- Ban TTTT (để CBTT);
- Lưu VT, (TXT,08b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Hiền

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2013
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 337 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 21 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 37. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		8.041.930.901.743	7.203.995.556.932
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.910.904.501.503	5.629.375.858.166
1. Tiền	111		455.856.852.072	292.521.273.791
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.455.047.649.431	5.336.854.584.375
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		336.669.130.366	62.077.046.183
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	336.669.130.366	62.077.046.183
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371.571.560.982	193.727.961.781
1. Phải thu khách hàng	131		116.171.761.790	46.193.553.961
2. Trả trước cho người bán	132		116.517.483.393	99.202.374.921
3. Các khoản phải thu khác	135	7	258.179.383.088	167.629.100.188
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(119.297.067.289)	(119.297.067.289)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.316.853.871.054	1.171.461.225.102
1. Hàng tồn kho	141		1.323.224.229.267	1.185.926.007.092
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.370.358.213)	(14.464.781.990)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		105.931.837.838	147.353.465.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	16.172.105.002	14.612.294.547
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		80.355.351.010	119.646.969.320
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	18	2.598.803.135	9.707.085.668
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.805.578.691	3.387.116.165
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		3.320.367.088.493	3.376.516.357.645
I. Tài sản cố định	220		2.362.008.280.067	2.371.391.919.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.121.865.148.753	1.169.727.617.877
- Nguyên giá	222		6.965.629.741.260	6.935.645.827.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.843.764.592.507)	(5.765.918.209.499)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	828.676.696.435	770.897.635.112
- Nguyên giá	228		1.029.101.714.208	965.237.358.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(200.425.017.773)	(194.339.722.961)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	411.466.434.879	430.766.666.877
II. Bất động sản đầu tư	240	13	290.330.911.640	295.672.318.252
- Nguyên giá	241		314.461.627.556	314.461.627.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(24.130.715.916)	(18.789.309.304)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		534.588.938.668	574.627.123.255
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	452.309.148.065	491.002.055.334
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	83.625.067.921	83.625.067.921
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.345.277.318)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		133.438.958.118	134.824.996.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	74.876.919.291	79.125.106.047
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		57.431.983.183	55.406.634.581
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.130.055.644	293.255.644
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.362.297.990.236	10.580.511.914.577

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.480.797.582.496	1.415.021.259.304
I. Nợ ngắn hạn	310		1.449.815.056.689	1.395.987.574.866
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	61.570.423.710	27.737.630.442
2. Phải trả người bán	312		393.108.749.416	398.388.337.713
3. Người mua trả tiền trước	313		91.179.169.209	212.836.496.895
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	140.498.998.180	123.907.690.077
5. Phải trả người lao động	315		61.785.024.239	75.424.999.435
6. Chi phí phải trả	316	19	367.518.908.695	305.890.305.764
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		462.475.085	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	76.510.421.484	47.360.732.843
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		162.217.711	488.925.484
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		257.018.668.960	203.952.456.213
II. Nợ dài hạn	330		30.982.525.807	19.033.684.438
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.019.503.311	6.024.588.791
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	6.669.130.366	8.477.046.183
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		124.227.166	124.227.166
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.446.634.326	4.217.086.359
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		13.723.030.638	190.735.939
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		9.670.116.275.657	8.959.929.478.972
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	9.670.116.275.657	8.959.929.478.972
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		977.787.044	977.787.044
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.296.824.120)	(85.447.473.262)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(85.454.802.000)	(70.094.992.992)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.525.514.186.257	2.525.430.471.223
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		958.971.598.719	812.944.724.326
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		800.728.040	765.696.521
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.450.423.687.859	1.975.353.266.112
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	211.384.132.083	205.561.176.301
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		11.362.297.990.236	10.580.511.914.577

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. Ngoại tệ các loại

- USD

- EUR

2.773.417

1.429

Trần Xuân Thảo

Người lập biểu

Ngày 21 tháng 8 năm 2013

Huỳnh Kim Nhân

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông

Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.135.988.306.142	7.169.563.003.907
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		36.336.627.068	80.540.801.194
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	6.099.651.679.074	7.089.022.202.713
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	3.917.067.415.444	4.624.949.448.369
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	25	2.182.584.263.630	2.464.072.754.344
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	227.790.593.099	308.220.501.643
7. Chi phí tài chính	22		5.075.199.729	1.673.813.021
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.913.622.114	484.818.462
8. Chi phí bán hàng	24		311.493.087.793	266.015.078.104
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		251.032.147.429	279.169.826.333
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.842.774.421.778	2.225.434.538.529
11. Thu nhập khác	31		8.919.195.957	2.188.344.746
12. Chi phí khác	32		927.665.304	289.478.754
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.991.530.653	1.898.865.992
14. (Lỗ) từ công ty liên kết	45		(21.388.089.049)	(5.954.875.672)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		1.829.377.863.382	2.221.378.528.849
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	214.180.062.343	254.207.934.916
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.025.348.602)	(1.557.071.222)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.617.223.149.641	1.968.727.665.155
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		24.110.497.254	29.178.415.070
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.593.112.652.387	1.939.549.250.085
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.201	5.137

Trần Xuân Thảo
Người lập biểuHuỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

 Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.829.377.863.382	2.221.378.528.849
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	114.643.378.372	106.902.563.716
Các khoản dự phòng	03	(6.749.146.459)	(6.474.916.461)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(205.657.579.359)	(301.290.707.384)
Chi phí lãi vay	06	1.913.622.114	484.818.462
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.733.528.138.050	2.021.000.287.182
Thay đổi các khoản phải thu	09	(65.445.077.301)	51.657.947.811
Thay đổi hàng tồn kho	10	(137.298.222.175)	202.813.471.488
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.711.583.230)	635.762.629.649
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	8.301.340.335	105.124.708.197
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.913.622.114)	(484.818.462)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(193.590.241.471)	(206.336.656.779)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(177.512.656.665)	(156.770.460.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.155.358.075.429	2.652.767.108.342
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(116.381.498.892)	(173.777.122.847)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	146.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(330.000.000.000)	(65.106.465.800)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	52.807.915.817	25.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	243.911.833.432	297.513.064.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(149.661.749.643)	83.776.294.422
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	165.919.838.626	49.128.970.584
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(133.894.961.175)	(22.824.236.064)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(756.192.559.900)	(940.798.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(724.167.682.449)	(914.494.005.480)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	281.528.643.337	1.822.049.397.284
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.629.375.858.166	4.070.456.552.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.226.576.941)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.910.904.501.503	5.891.279.372.686

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong kỳ, Tổng Công ty đã bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số tiền từ bán cổ phiếu quỹ là 103.808.910.185 đồng (sau khi trừ phí giao dịch) được theo dõi trên tài khoản của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh, và được Tổng Công ty trình bày trên khoản mục "Các khoản phải thu khác" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Do đó, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tổng Công ty không trình bày dòng tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ.



Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 8 năm 2013



Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DNHN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	81	81	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	51	Sản xuất bao bì

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) số tiền 110.143.267.289 đồng (bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng đối với toàn bộ khoản phải thu này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được cấp, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Công trình kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá có thể thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Cambodia tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 không được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà được trình bày trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư trước hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX) - Công ty liên kết của Tổng Công ty, được ghi nhận trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” theo tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết này với số tiền lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 83.352.822.932 đồng, và sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian tối đa là 5 năm kể từ ngày PVTEX chính thức vận hành thương mại.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.611.336.810	1.219.544.986
Tiền gửi ngân hàng	454.245.515.262	291.301.728.805
Các khoản tương đương tiền	5.455.047.649.431	5.336.854.584.375
	<u>5.910.904.501.503</u>	<u>5.629.375.858.166</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với lãi suất từ 6%/năm đến 7,5%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	330.000.000.000	53.600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (PVFC SG)	6.669.130.366	8.477.046.183
	<u>336.669.130.366</u>	<u>62.077.046.183</u>

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất từ 6%/năm đến 8%/năm.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	32.153.582.203	48.753.979.736
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) (i)	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) - Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)	103.808.910.185	-
Khác	12.073.623.411	8.731.853.163
	<u>258.179.383.088</u>	<u>167.629.100.188</u>

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFI") tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư quá hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ khoản phải thu này.

(ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí PSI - Chi nhánh Hồ Chí Minh phản ánh khoản phải thu về số tiền bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ trong kỳ.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	209.807.480.090	178.255.480.490
Nguyên liệu, vật liệu	571.765.786.911	450.193.732.792
Công cụ, dụng cụ	15.949.989.106	9.459.673.251
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	79.491.675.521	42.736.222.678
Thành phẩm	140.219.179.469	363.035.130.445
Hàng hóa	305.990.118.170	142.245.767.436
	<u>1.323.224.229.267</u>	<u>1.185.926.007.092</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.370.358.213)	(14.464.781.990)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>1.316.853.871.054</u>	<u>1.171.461.225.102</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí bảo hiểm tài sản	10.792.387.957	10.792.388.054
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.379.717.045	3.819.906.493
	<u>16.172.105.002</u>	<u>14.612.294.547</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	1.365.596.816.870	5.355.573.536.736	106.054.997.221	108.420.476.549	6.935.645.827.376
Mua trong kỳ	35.922.428.004	1.220.413.509	7.587.690.728	2.074.162.904	46.804.695.145
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.766.648.836	7.602.759.894	-	-	17.369.408.730
Thanh lý	-	-	(17.103.136)	(891.789.100)	(908.892.236)
Phân loại lại (*)	(558.997.307)	(2.146.480.577)	(363.109.033)	(30.212.710.838)	(33.281.297.755)
Tại ngày 30/6/2013	1.410.726.896.403	5.362.250.229.562	113.262.475.780	79.390.139.515	6.965.629.741.260

GIÁ TRỊ RAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	663.762.997.059	4.979.212.995.570	65.382.568.073	57.559.648.797	5.765.918.209.499
Khấu hao trong kỳ	33.625.673.874	51.233.204.035	4.477.909.889	13.706.311.851	103.043.099.649
Thanh lý	-	-	(2.729.322)	(640.395.423)	(643.124.745)
Phân loại lại (*)	(240.111.743)	(1.565.856.670)	(165.947.579)	(22.581.675.904)	(24.553.591.896)
Tại ngày 30/6/2013	697.148.559.190	5.028.880.342.935	69.691.801.061	48.043.889.321	5.843.764.592.507

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 30/6/2013	713.578.337.213	333.369.886.627	43.570.674.719	31.346.250.194	1.121.865.148.753
Tại ngày 31/12/2012	701.833.819.811	376.360.541.166	40.672.429.148	50.860.827.752	1.169.727.617.877

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty tiến hành phân loại lại các tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 5.484.445.591.650 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.316.603.642.980 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ với giá trị còn lại là 44.052.747.143 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 34.196.791.943 đồng) đã được thế chấp để bảo đảm cho các hợp đồng vay ngắn, dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (xem Thuyết minh 17 và 21).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền, sáng chế <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	738.031.157.677	171.441.137.057	45.429.866.943	10.335.196.396	965.237.358.073
Mua trong kỳ	38.996.961.435	-	797.700.000	-	39.794.661.435
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	24.546.992.700	-	-	-	24.546.992.700
Phân loại lại (*)	-	-	(477.298.000)	-	(477.298.000)
Tại ngày 30/6/2013	801.575.111.812	171.441.137.057	45.750.268.943	10.335.196.396	1.029.101.714.208
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	693.082.588	164.046.950.666	19.892.251.592	9.707.438.115	194.339.722.961
Khấu hao trong kỳ	455.022.984	1.222.235.376	4.452.777.486	128.836.265	6.258.872.111
Phân loại lại (*)	-	-	(173.577.299)	-	(173.577.299)
Tại ngày 30/6/2013	1.148.105.572	165.269.186.042	24.171.451.779	9.836.274.380	200.425.017.773
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	800.427.006.240	6.171.951.015	21.578.817.164	498.922.016	828.676.696.435
Tại ngày 31/12/2012	737.338.075.089	7.394.186.391	25.537.615.351	627.758.281	770.897.635.112

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty tiến hành phân loại lại các tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 168.877.611.106 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 168.932.621.106 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Kho Cảng Cái Cui - Cần Thơ	234.715.614.164	235.149.280.732
Dự án Amoniac	46.244.721.193	44.003.993.921
Nhà ở Cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.148.525.618
Kho Tây Ninh	23.564.079.455	23.268.818.182
Kho Đà Nẵng	22.875.662.950	22.875.662.950
Kho Ninh Thuận	15.403.269.351	-
Kho Trà Nóc	4.238.253.953	-
Các công trình khác	28.082.763.195	69.320.385.474
	<u>411.466.434.879</u>	<u>430.766.666.877</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	84.498.516.000	229.963.111.556	314.461.627.556
Tại ngày 30/6/2013	84.498.516.000	229.963.111.556	314.461.627.556
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	3.127.851.442	15.661.457.862	18.789.309.304
Khấu hao trong kỳ	735.071.070	4.606.335.542	5.341.406.612
Tại ngày 30/6/2013	3.862.922.512	20.267.793.404	24.130.715.916
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	80.635.593.488	209.695.318.152	290.330.911.640
Tại ngày 31/12/2012	81.370.664.558	214.301.653.694	295.672.318.252

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Đầu tư vào Công ty liên kết	599.000.000.000	599.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(77.205.981.773)	(49.193.259.934)
Chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty liên kết tại ngày mua (*)	13.867.952.770	9.245.301.847
Biến động tài sản thuần không trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (**)	(83.352.822.932)	(68.049.986.579)
	<u>452.309.148.065</u>	<u>491.002.055.334</u>
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	36.212.354.077	57.670.829.097
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	416.096.793.988	433.331.226.237
	<u>452.309.148.065</u>	<u>491.002.055.334</u>

(*) Tổng Công ty đã xác định khoản lãi phát sinh tại ngày mua do chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") tại ngày đầu tư là 23.113.254.617 đồng. Ban Tổng Giám đốc quyết định phân bổ chênh lệch này vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong thời gian là 5 năm kể từ năm 2011, mỗi năm khoảng 4,6 tỷ đồng.

(**) Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được kiểm toán của PVTEX, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh lũy kế đến ngày 30 tháng 6 tháng 2013 là 300.206.673.053 đồng. Vì PVTEX đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nên khoản chênh lệch tỷ giá trên không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên bảng cân đối kế toán của PVTEX. Bên cạnh đó, tỷ lệ lợi ích thực tế của Tổng Công ty trong tài sản thuần của PVTEX tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 23,75%, nên giá trị đầu tư tại PVTEX đã được điều chỉnh giảm đồng thời một khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã được ghi nhận trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền là 83.352.822.932 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	TP. Cà Mau	35,63	35,63	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	TP. Hải Phòng	23,75	23,75	Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyeste

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng tài sản	7.960.794.589.634	7.498.251.259.345
Tổng công nợ	6.046.965.781.783	5.527.170.293.453
Tài sản thuần	1.913.828.807.851	1.971.080.965.892
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	452.309.148.065	491.002.055.334
	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Doanh thu thuần	52.427.162.946	85.783.700.051
(Lỗ) thuần	(69.967.705.131)	(36.006.973.143)
(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	(21.388.089.049)	(5.954.875.672)

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Công ty	Tỷ lệ sở hữu	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	10,27%	57.373.067.921	57.373.067.921
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao - Văn hóa Dầu khí (PSCC)	10,00%	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)	14,55%	4.750.000.000	4.750.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	6,78%	16.902.000.000	16.902.000.000
		83.625.067.921	83.625.067.921
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
<i>Trong đó:</i>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)		(418.286.920)	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)		(926.990.398)	-
		(1.345.277.318)	-
Giá trị thuần của khoản đầu tư		82.279.790.603	83.625.067.921

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và nhận thấy ngoài hai khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí ("PAIC") và Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam ("PSP") có dấu hiệu suy giảm giá trị và đã được trích lập dự phòng, các khoản đầu tư dài hạn còn lại không bị suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn này.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ	4.775.513.767	5.056.426.345
Trả trước tiền thuê đất Khu công nghiệp Nhơn Bình	5.870.050.230	5.945.813.969
Vật tư phụ tùng thay thế	38.562.548.662	46.275.058.387
Chi phí trả trước dài hạn khác	25.668.806.632	21.847.807.346
	<u>74.876.919.291</u>	<u>79.125.106.047</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vietcombank - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	13.496.943.720	7.737.630.442
VP Bank - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	8.073.479.990	-
Vietinbank- Chi nhánh Cần Thơ	-	20.000.000.000
VP Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	40.000.000.000	-
	<u>61.570.423.710</u>	<u>27.737.630.442</u>

(i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu được thực hiện dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 35.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được thả nổi theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xem Thuyết minh số 10).

(ii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu (VP Bank - Chi nhánh Vũng Tàu) được thực hiện dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 10.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được thả nổi theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ với VP Bank - Chi nhánh Vũng Tàu có kỳ hạn với tổng số tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 14.543.333.334 đồng.

(iii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh với số tiền 40.000.000.000 đồng để Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ bổ sung vốn phục vụ kinh doanh phân bón hóa chất. Khoản vay chịu lãi suất 7,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 7 năm 2013, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.119.572.165	3.598.392.806
Thuế xuất, nhập khẩu	4.283.121.988	639.449.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	131.588.470.964	114.684.953.982
Thuế thu nhập cá nhân	1.381.444.783	1.634.856.165
Các loại thuế khác	126.388.280	3.350.038.002
	<u>140.498.998.180</u>	<u>123.907.690.077</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Chi tiêu	Phải nộp	Trong kỳ		Phải nộp
	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế	114.200.604.409	321.312.843.827	297.613.253.191	137.900.195.045
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.066.163.315	10.404.826.992	10.351.418.142	3.119.572.165
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	532.229.491	28.742.484.460	29.274.713.951	-
Thuế xuất, nhập khẩu	639.449.122	22.130.056.606	18.486.383.740	4.283.121.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.400.846.955	214.180.062.345	193.590.241.471	128.990.667.829
Thuế thu nhập cá nhân	(1.788.122.476)	39.955.233.257	36.785.665.998	1.381.444.783
Thuế tài nguyên	-	250.494.495	250.494.495	-
Thuế môn bài	-	34.000.000	35.000.000	(1.000.000)
Các loại thuế khác	3.350.038.002	5.615.685.672	8.839.335.394	126.388.280
Tổng cộng	114.200.604.409	321.312.843.827	297.613.253.191	137.900.195.045
<i>trong đó:</i>				
-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	123.907.690.077			140.498.998.180
-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.707.085.668			2.598.803.135
+) Thuế thu nhập cá nhân	3.422.978.641			-
+) Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.284.107.027			2.597.803.135
+) Các loại thuế khác	-			1.000.000

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2013 (i)	216.372.731.145	151.714.209.145
Chi phí an sinh xã hội (ii)	83.025.104.359	73.570.862.067
Khác	68.121.073.191	80.605.234.552
	<u>367.518.908.695</u>	<u>305.890.305.764</u>

(i) Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã trích thêm 64.658.522.000 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2013.

(ii) Theo Nghị quyết số 432/NQ-DKVN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong kỳ, Tổng Công ty đã trích lập chi phí thực hiện các hợp đồng an sinh xã hội 50 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn Tập đoàn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 83.025.104.359 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả chiết khấu	22.674.952.101	14.862.974.207
Cổ tức phải trả	22.148.427.608	16.708.169.764
Phải trả, phải nộp khác	31.687.041.775	15.789.588.872
	<u>76.510.421.484</u>	<u>47.360.732.843</u>

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	6.669.130.366	8.477.046.183
	<u>6.669.130.366</u>	<u>8.477.046.183</u>

Khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ phục vụ đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bao bì. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 25.310.821.434 đồng và được giải ngân nhiều lần. Thời hạn cho vay tối đa là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 29 tháng 5 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi áp dụng đối với tổ chức kinh tế bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (loại trả lãi cuối kỳ) cộng (+) 1%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xem Thuyết minh số 10).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng		
	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	
Số dư tại 01/01/2012	3.800.000.000.000	977.787.044	-	(83.961.341.647)	(74.411.767.146)	1.420.380.501.371	494.715.910.705	554.153.469	2.668.824.162.711	8.227.079.406.507	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.486.131.615)
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	-	-	(1.486.131.615)	-	1.109.783.021.689	320.289.286.079	423.251.609	(1.430.493.559.377)	(403.379.204.930)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	4.316.768.312	(24.895.749)	-	-	(8.298.584)	(3.753.890.870)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	5.842	(4.708.156.088)	(2.060.472.458)	(203.409.973)	(3.718.070.796)	(42.690.103.473)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 01/01/2013	3.800.000.000.000	977.787.044	-	(85.447.473.262)	(70.094.992.992)	2.525.430.471.223	812.944.774.326	765.696.521	1.975.353.266.112	8.959.929.478.972	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.617.223.149.641
Cổ phiếu quỹ bán trong kỳ (1)	-	-	-	21.179.913.858	83.150.649.142	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	104.330.563.000
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	-	-	-	-	177.642.570	146.342.686.702	(146.589.045.472)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(15.308.822.226)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.308.822.226)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	(50.986.782)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.188.819.764)
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(93.927.536)	(315.812.309)	(33.684.681)	(20.621.722.396)	(3.239.806.546)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2013	3.800.000.000.000	977.787.044	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(85.454.802.000)	2.525.514.186.257	958.971.598.719	800.728.040	2.450.423.687.859	9.670.116.275.657	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

(1): Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ.

(2): Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty mẹ và các Công ty con, trong đó Công ty mẹ-Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng tài chính và khen thưởng, phúc lợi với số tiền tương ứng là 145.015.524.162 đồng và 76.636.719.055 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013, đồng thời Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng tạm trích quỹ khen, thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ hoạt động 6 tháng năm 2013 với số tiền 125.147.597.756 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ hoạt động 6 tháng năm 2013 sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

(3) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ - Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.703.754.320.000 đồng, trong đó tạm ứng cổ tức đợt 1 là 566.331.480.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) trong Quý 3/2012, đợt 2 là 377.554.320.000 đồng trong Quý 4/2012 (1.000 đồng/cổ phần), và đợt 3 (đợt cuối) công bố ngày 18 tháng 6 năm 2013 (2.500 đồng/cổ phần), theo đó, trong kỳ Tổng Công ty đã trích 759.868.520.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế để chi trả khoản cổ tức này.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	30/6/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	65.740	2.445.680
+ Cổ phiếu phổ thông	65.740	2.445.680
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	379.934.260	377.554.320
+ Cổ phiếu phổ thông	379.934.260	377.554.320
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 3.800.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ (%)	30/6/2013 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100,00	3.800.000.000.000

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các công ty con được xác định như sau:

	Công ty CP PBHCDK Miền Trung VND	Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ VND	Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ VND	Công ty CP PBHCDK Miền Bắc VND	Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ VND	Công ty CP QL và PT nhà Dầu khí Miền Nam VND
Vốn điều lệ của công ty con	100.000.000.000	170.000.000.000	125.000.000.000	120.000.000.000	42.000.000.000	72.248.000.000
Trong đó:						
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	75.000.000.000	127.500.000.000	93.750.000.000	90.000.000.000	21.410.000.000	58.796.800.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	25.000.000.000	42.500.000.000	31.250.000.000	30.000.000.000	20.590.000.000	13.451.200.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	49,02%	18,62%

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận trong kỳ	92.146.358.411	109.326.875.650
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong kỳ	24.110.497.254	29.178.415.070

Biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Vốn khác thuộc chủ sở hữu <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2013	162.791.200.000	940.194.604	9.234.811.020	4.112.054.342	736.258.208	27.746.658.127	205.561.176.301
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	24.110.497.254	24.110.497.254
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	93.927.536	315.812.309	33.684.681	(443.424.526)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.615.258.010)	(2.615.258.010)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(15.242.191.140)	(15.242.191.140)
(Giảm) khác	-	-	-	-	-	(430.092.322)	(430.092.322)
Số dư tại ngày 30/6/2013	<u>162.791.200.000</u>	<u>940.194.604</u>	<u>9.328.738.556</u>	<u>4.427.866.651</u>	<u>769.942.889</u>	<u>33.126.189.383</u>	<u>211.384.132.083</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐÀU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Kinh doanh phân bón YND	Sản xuất bao bì và cung cấp dịch vụ khác YND	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác YND	Điều chỉnh hợp nhất YND	Tổng cộng YND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.761.319.894.228	86.905.305.222	75.946.229.805	(7.788.183.123.113)	6.135.988.306.142
Các khoản giảm trừ doanh thu	84.083.742.077	-	-	(47.747.115.009)	36.336.627.068
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.677.236.152.151	86.905.305.222	75.946.229.805	(7.740.436.008.104)	6.099.651.679.074
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11.617.423.816.536	70.942.273.941	60.713.018.456	(7.832.011.693.489)	3.917.067.415.444
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.059.812.335.615	15.963.031.281	15.233.211.349	91.575.685.385	2.182.584.263.630
Doanh thu hoạt động tài chính	266.319.868.693	421.346.827	1.082.483.226	(40.033.105.647)	227.790.593.099
Chi phí tài chính	46.104.766.425	744.777.977	-	(41.774.344.673)	5.075.199.729
Chi phí bán hàng	310.663.513.477	1.839.631.147	1.092.853.341	(2.102.910.172)	311.493.087.793
Chi phí quản lý doanh nghiệp	243.719.210.359	8.540.556.707	8.163.897.926	(9.391.517.563)	251.032.147.429
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.725.644.714.047	5.259.412.277	7.058.943.308	104.811.352.146	1.842.774.421.778
Lợi nhuận khác	5.753.038.316	1.522.697.673	191.925.651	523.869.013	7.991.530.653
(Lỗ) từ công ty liên kết	-	-	-	(21.388.089.049)	(21.388.089.049)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.731.397.752.363	6.782.109.950	7.250.868.959	83.947.132.110	1.829.377.863.382
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	210.957.270.636	980.802.072	2.241.989.635	-	214.180.062.343
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(2.025.348.602)	(2.025.348.602)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.520.440.481.727	5.801.307.878	5.008.879.324	85.972.480.712	1.617.223.149.641

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh. Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm Đạm Phú Mỹ sang thị trường Campuchia, doanh thu bán hàng tại thị trường Campuchia là khoảng 39 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty là thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước <u>VND</u>	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013			
Doanh thu thuần	4.748.285.554.795	1.351.366.124.279	6.099.651.679.074
Giá vốn hàng bán	(2.600.825.460.344)	(1.316.241.955.100)	(3.917.067.415.444)
<i>Trong đó: Trích lập dự phòng</i>	<i>(2.914.607.640)</i>	<i>(3.455.750.573)</i>	<i>(6.370.358.213)</i>
Lợi nhuận gộp	2.147.460.094.451	35.124.169.179	2.182.584.263.630
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012			
Doanh thu thuần	6.437.794.986.065	651.227.216.648	7.089.022.202.713
Giá vốn hàng bán	(3.986.327.933.455)	(638.621.514.914)	(4.624.949.448.369)
<i>Trong đó: Trích lập dự phòng</i>	<i>(3.930.985.436)</i>	<i>(10.222.859.948)</i>	<i>(14.153.845.384)</i>
Lợi nhuận gộp	2.451.467.052.610	12.605.701.734	2.464.072.754.344

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 <u>VND</u>
Doanh thu Ure Phú Mỹ	4.268.658.495.284	4.737.511.688.424
Doanh thu Ure Cà Mau	348.838.581.162	1.538.145.920.710
Doanh thu điện	1.025.413.052	2.062.412.560
Doanh thu khác	166.099.692.365	240.615.765.565
	4.784.622.181.863	6.518.335.787.259
Chiết khấu thương mại	36.336.627.068	80.540.801.194
	4.748.285.554.795	6.437.794.986.065

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 <u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	1.776.698.342.558	1.595.985.660.882
Chi phí nhân công	210.542.515.800	230.375.540.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.643.378.372	106.902.563.716
Chi phí mua ngoài khác	421.993.528.503	216.041.717.264
Chi phí bằng tiền khác	55.025.429.500	283.463.906.212
	2.578.903.194.733	2.432.769.388.446

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	227.311.435.899	307.220.130.043
Khác	479.157.200	1.000.371.600
	227.790.593.099	308.220.501.643

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	208.756.497.963	254.725.906.448
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	5.423.564.380	(517.971.532)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	214.180.062.343	254.207.934.916

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm 2013 là năm thứ 6 Công ty mẹ - Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ 10 kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.593.112.652.387	1.939.549.250.085
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	379.235.866	377.556.459
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.201	5.137

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.775.126.572	9.955.772.976
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	30.257.084.725	30.297.338.339
Sau năm năm	21.790.975.519	24.414.393.419
	61.823.186.816	64.667.504.734

Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm.

Ngày 01 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê là 1.500 USD/tháng.

Ngày 10 tháng 6 năm 2011, Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VDKVN/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tổng diện tích thuê là 623 m² với số tiền thuê là 11.001 USD/tháng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**MẪU SỐ B 09-DN/HN****31. CAM KẾT KHÁC**

Theo Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 05 năm 2010 và các Phụ lục bổ sung với Tổng Công ty Khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP), giá mua khí trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 6,56 USD/MMBTU (từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6,43 USD/MMBTU).

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty con.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	68.239.554.076	36.214.676.625
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.910.904.501.503	5.629.375.858.166
Nợ thuần	(5.842.664.947.427)	(5.593.161.181.541)
Vốn chủ sở hữu	9.670.116.275.657	8.959.929.478.972
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu (*)	-	-

(*) Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bằng 0 do Tổng Công ty chủ yếu hoạt động bằng vốn chủ sở hữu.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.910.904.501.503	5.629.375.858.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	255.054.077.589	94.525.586.860
Đầu tư ngắn hạn	336.669.130.366	62.077.046.183
Đầu tư dài hạn khác	82.279.790.603	83.625.067.921
Tài sản tài chính khác	1.388.055.644	359.886.496
Tổng cộng	6.586.295.555.705	5.869.963.445.626
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	68.239.554.076	36.214.676.625
Phải trả người bán và phải trả khác	466.963.353.985	443.807.357.430
Chi phí phải trả	367.518.908.695	305.890.305.764
Tổng cộng	902.721.816.756	785.912.339.819

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	-	-	9.514.872.064	64.381.819.563
Euro (EUR)	-	-	18.100.114.208	6.940.940.363
Đô la Úc (AUD)	-	-	73.352.220	-

Số dư các khoản công nợ tài chính và tài sản tài chính có gốc ngoại tệ tại Tổng Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng công nợ tài chính và tài sản tài chính. Do vậy, việc thay đổi tỷ giá ngoại tệ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 1.364.791.082 đồng (2012: 724.293.533 đồng).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)*

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính 2013 (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013)		
VND	+ 200	1.364.791.082
VND	- 200	(1.364.791.082)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+ 200	724.293.533
VND	- 200	(724.293.533)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu, và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAJC) và Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền 1.345.277.318 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng bao gồm: phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) về ủy thác vốn đầu tư và lãi ủy thác dự thu với số tiền 110.143.267.289 đồng; phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan tiền ứng trước mua hàng hóa với số tiền 9.153.800.000 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thành khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.910.904.501.503	-	5.910.904.501.503
Phải thu khách hàng và phải thu khác	255.054.077.589	-	255.054.077.589
Đầu tư ngắn hạn	336.669.130.366	-	336.669.130.366
Đầu tư dài hạn khác	-	82.279.790.603	82.279.790.603
Tài sản tài chính khác	258.000.000	1.130.055.644	1.388.055.644
Tổng cộng	6.502.885.709.458	83.409.846.247	6.586.295.555.705
30/6/2013			
Các khoản vay	61.570.423.710	6.669.130.366	68.239.554.076
Phải trả người bán và phải trả khác	466.963.353.985	-	466.963.353.985
Chi phí phải trả	367.518.908.695	-	367.518.908.695
Tổng cộng	896.052.686.390	6.669.130.366	902.721.816.756
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.606.833.023.068	76.740.715.881	5.683.573.738.949
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.629.375.858.166	-	5.629.375.858.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.525.586.860	-	94.525.586.860
Đầu tư ngắn hạn	62.077.046.183	-	62.077.046.183
Đầu tư dài hạn khác	-	83.625.067.921	83.625.067.921
Tài sản tài chính khác	66.630.852	293.255.644	359.886.496
Tổng cộng	5.786.045.122.061	83.918.323.565	5.869.963.445.626
31/12/2012			
Các khoản vay	27.737.630.442	8.477.046.183	36.214.676.625
Phải trả người bán và phải trả khác	443.807.357.430	-	443.807.357.430
Chi phí phải trả	305.890.305.764	-	305.890.305.764
Tổng cộng	777.435.293.636	8.477.046.183	785.912.339.819
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.008.609.828.425	75.441.277.382	5.084.051.105.807

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	486.406.654.499	597.719.842.577
<i>Cổ tức trả Tập đoàn</i>	<i>466.331.310.724</i>	<i>583.010.632.500</i>
<i>Phí Quản lý nộp Tập đoàn</i>	<i>20.075.343.775</i>	<i>14.709.210.077</i>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	113.176.882.259	183.375.470.289
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	43.046.809.521	71.469.558.544
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	36.234.336.907	25.490.565.488
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	9.865.062.800	8.789.938.267
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	9.596.261.905	9.262.838.096
Tổng Công ty CP Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	4.800.000.000	58.126.690.478
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	4.417.625.169	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	3.697.918.690	3.457.635.313
Công ty CP PVI	912.270.401	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	416.357.105	824.100.000
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	96.066.666	-
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	94.173.095	3.179.009.046
Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	-	2.775.135.057
Mua hàng hoá và dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.452.018.460.572	1.489.589.838.519
Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Cà Mau	331.616.061.918	-
Công ty Bảo hiểm-PVI TP.Hồ Chí Minh	35.670.949.001	-
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	13.320.673.539	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	7.435.113.546	-
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	-	1.732.801.044.575
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	115.226.579.044

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	260.315.969.770	260.220.695.802
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	12.197.219.544	28.263.134.703
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	3.026.697.229	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	2.450.713.240	-

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (Tiếp theo):


	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Phải thu Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.076.057.330	1.297.635.200
Công ty điều hành dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	4.236.454.385	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	2.095.307.041	-
Phải thu Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	15.066.367.956
Trả trước cho nhà cung cấp		
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	10.521.085.950	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	-	3.012.188.600
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	4.860.607.417	100.335.295.400
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - CN Thành phố Hồ Chí Minh (PSI HCM)	4.577.488.849	13.496.025.035
Phải thu khác		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.368.929.540	185.343.111
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh (PSI HCM)	105.699.492.540	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289
Ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí	6.669.130.366	8.477.046.183

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.


 Trần Xuân Thảo
 Người lập biểu


 Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc
 

Ngày 21 tháng 8 năm 2013

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Đông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2013
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 336 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 31. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.220.926.611.688	6.537.835.014.112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.439.801.281.661	5.209.946.797.179
1. Tiền	111		254.801.281.661	189.694.797.179
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.185.000.000.000	5.020.252.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		336.669.130.366	59.477.046.183
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	336.669.130.366	59.477.046.183
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		354.599.872.665	156.511.933.406
1. Phải thu khách hàng	131		118.484.044.545	18.248.172.455
2. Trả trước cho người bán	132		101.457.968.847	94.615.513.958
3. Các khoản phải thu khác	135	7	253.954.926.562	162.945.314.282
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(119.297.067.289)	(119.297.067.289)
IV. Hàng tồn kho	140	8	998.806.279.593	979.362.417.883
1. Hàng tồn kho	141		998.806.279.593	979.362.417.883
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		91.050.047.403	132.536.819.461
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	13.239.484.392	12.702.390.398
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		71.107.138.262	112.368.878.073
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	18	2.597.803.135	5.736.410.209
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.105.621.614	1.729.140.781
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		3.635.131.880.495	3.687.351.115.050
I. Tài sản cố định	220		2.053.105.149.922	2.051.193.329.172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	916.489.612.908	953.298.097.742
- Nguyên giá	222		6.655.734.840.906	6.624.748.941.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.739.245.227.998)	(5.671.450.844.053)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	725.342.549.427	667.159.564.553
- Nguyên giá	228		924.481.808.344	860.569.144.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(199.139.258.917)	(193.409.580.281)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	411.272.987.587	430.735.666.877
II. Bất động sản đầu tư	240	13	381.347.685.999	387.821.602.923
- Nguyên giá	241		412.389.407.195	412.389.407.195
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(31.041.721.196)	(24.567.804.272)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.090.481.394.492	1.133.601.016.483
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	466.456.800.000	466.456.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	599.000.000.000	599.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	83.625.067.921	83.625.067.921
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(58.600.473.429)	(15.480.851.438)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		110.197.650.082	114.735.166.472
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	56.843.438.667	61.380.955.057
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		53.146.484.811	53.146.484.811
3. Tài sản dài hạn khác	268		207.726.604	207.726.604
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.856.058.492.183	10.225.186.129.162

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013


MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.217.750.118.419	1.263.027.388.808
I. Nợ ngắn hạn	310		1.200.428.740.403	1.258.830.382.270
1. Phải trả người bán	312		322.286.253.564	377.735.482.928
2. Người mua trả tiền trước	313		65.910.263.646	199.582.957.503
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	124.229.362.535	114.318.466.349
4. Phải trả người lao động	315		49.695.845.239	55.910.481.201
5. Chi phí phải trả	316	19	354.501.521.818	290.145.735.059
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	44.491.718.254	39.119.068.794
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		239.313.775.347	182.018.190.436
II. Nợ dài hạn	330		17.321.378.016	4.197.006.538
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.861.246.016	4.197.006.538
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		13.460.132.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		9.638.308.373.764	8.962.158.740.354
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	9.638.308.373.764	8.962.158.740.354
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.296.824.120)	(85.447.473.262)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(129.866.913)	(78.903.497)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.499.459.725.948	2.499.459.725.948
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		945.355.131.893	800.339.607.731
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.374.740.293.098	1.947.885.783.434
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.856.058.492.183	10.225.186.129.162

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	66.563	2.773.417
- EUR	1.429	1.429


 Hoàng Thị Lan Anh
 Người lập biểu


 Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.554.029.263.521	6.381.160.886.720
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		46.443.637.287	77.455.946.070
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	4.507.585.626.234	6.303.704.940.650
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	2.566.038.577.623	4.023.949.705.606
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.941.547.048.611	2.279.755.235.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	259.321.487.270	326.021.476.660
7. Chi phí tài chính	22	25	44.881.722.450	1.129.303.694
8. Chi phí bán hàng	24		246.596.095.895	230.656.414.742
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		194.935.423.101	225.351.934.139
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.714.455.294.435	2.148.639.059.129
11. Thu nhập khác	31		4.068.416.618	3.363.210.616
12. Chi phí khác	32		1.215.387.185	161.368.377
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.853.029.433	3.201.842.239
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.717.308.323.868	2.151.840.901.368
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	183.785.013.232	218.555.364.279
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.533.523.310.636	1.933.285.537.089

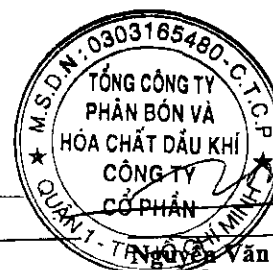
H. Lan Anh

Hoàng Thị Lan Anh
 Người lập biểu

Ngày 21 tháng 8 năm 2013

H. Kim Nhân

Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng



N. Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.717.308.323.868	2.151.840.901.368
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	99.454.658.955	96.387.473.751
Các khoản dự phòng	03	43.119.621.991	(7.277.244.599)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(174.718.222)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(258.842.388.313)	(325.250.096.252)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	1.600.865.498.279	1.915.701.034.268
Thay đổi các khoản phải thu	09	(64.918.915.319)	(150.512.414.015)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(19.443.861.710)	206.762.843.370
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(98.078.328.948)	554.953.907.760
Thay đổi chi phí trả trước	12	9.789.874.462	105.303.783.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(174.609.751.538)	(186.651.946.696)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(146.865.212.733)	(132.487.916.248)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	1.106.739.302.493	2.313.069.292.399
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(117.382.795.371)	(159.715.335.006)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(330.000.000.000)	(62.506.465.800)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	52.807.915.817	25.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	273.882.621.443	317.795.890.233
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(120.692.258.111)	120.574.089.427
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(756.192.559.900)	(940.798.740.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(756.192.559.900)	(940.798.740.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	229.854.484.482	1.492.844.641.826
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.209.946.797.179	3.633.780.353.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.226.553.575)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.439.801.281.661	5.125.398.441.490

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong kỳ, Công ty đã bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số tiền từ bán cổ phiếu quỹ là 103.808.910.185 đồng (sau khi trừ phí giao dịch) được phản ánh trên tài khoản của Công ty tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh, và được Công ty trình bày trên khoản mục "Các khoản phải thu khác" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Do đó, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty không trình bày dòng tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ.

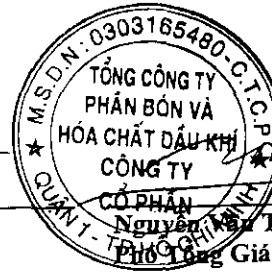


Hoàng Thị Lan Anh
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 8 năm 2013



Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.146 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.166 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo tài chính của văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) số tiền 110.143.267.289 đồng (bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập dự phòng đối với toàn bộ khoản phải thu nêu trên.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai; Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh; Tòa nhà Văn phòng Cần Thơ tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, thành phố Cần Thơ do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Từ ngày 01/01/2013
đến ngày 30/6/2013

Quyền sử dụng đất

44 - 50

Công trình kiến trúc

25

Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá trị đầu tư (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá giá trị đầu tư (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản giảm giá giá trị đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá có thể thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác, bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Cambodia tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 không được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà được trình bày trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" của Bảng cân đối kế toán của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm 2013 là năm thứ sáu Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ mười kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	569.961.252	651.526.703
Tiền gửi ngân hàng	254.231.320.409	189.043.270.476
Các khoản tương đương tiền	5.185.000.000.000	5.020.252.000.000
	<u>5.439.801.281.661</u>	<u>5.209.946.797.179</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với lãi suất từ 6%/năm đến 7,5%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	330.000.000.000	51.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (PVFC SG)	6.669.130.366	8.477.046.183
	<u>336.669.130.366</u>	<u>59.477.046.183</u>

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất từ 6%/năm đến 8%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	32.153.582.203	47.008.472.222
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) (i)	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)	103.808.910.185	-
Khác	7.849.166.885	5.793.574.771
	<u>253.954.926.562</u>	<u>162.945.314.282</u>

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFI") tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ khoản phải thu này.

(ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh phản ánh khoản phải thu về số tiền bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ trong kỳ.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	206.460.377.720	178.255.480.490
Nguyên liệu, vật liệu	557.385.121.182	444.817.892.070
Công cụ, dụng cụ	15.260.444.348	9.394.950.210
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.618.030.488	34.717.024.425
Thành phẩm	109.268.708.407	312.177.070.688
Hàng hóa	54.813.597.448	-
	<u>998.806.279.593</u>	<u>979.362.417.883</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>998.806.279.593</u>	<u>979.362.417.883</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm tài sản	10.792.387.957	10.792.388.054
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.447.096.435	1.910.002.344
	<u>13.239.484.392</u>	<u>12.702.390.398</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	1.170.564.261.745	5.306.290.249.487	55.663.319.477	92.231.111.086	6.624.748.941.795
Mua trong kỳ	35.609.413.779	815.756.481	495.278.363	1.523.955.275	38.444.403.898
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.763.648.835	7.602.759.894	-	-	17.366.408.729
Chuyển sang chi phí trả trước	(93.427.100)	(1.731.269.867)	(225.693.440)	(22.774.523.109)	(24.824.913.516)
Tại ngày 30/6/2013	<u>1.215.843.897.259</u>	<u>5.312.977.495.995</u>	<u>55.932.904.400</u>	<u>70.980.543.252</u>	<u>6.655.734.840.906</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	625.286.134.808	4.957.264.858.042	40.685.553.357	48.214.297.846	5.671.450.844.053
Khấu hao trong kỳ	25.415.828.314	47.726.176.992	1.692.423.716	12.253.544.930	87.087.973.952
Chuyển sang chi phí trả trước	(88.418.763)	(1.292.405.903)	(113.872.139)	(17.798.893.202)	(19.293.590.007)
Tại ngày 30/6/2013	<u>650.613.544.359</u>	<u>5.003.698.629.131</u>	<u>42.264.104.934</u>	<u>42.668.949.574</u>	<u>5.739.245.227.998</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	<u>565.230.352.900</u>	<u>309.278.866.864</u>	<u>13.668.799.466</u>	<u>28.311.593.678</u>	<u>916.489.612.908</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>545.278.126.937</u>	<u>349.025.391.445</u>	<u>14.977.766.120</u>	<u>44.016.813.240</u>	<u>953.298.097.742</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 5.477.923.813.760 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.309.945.595.948 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MÃ SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền sáng chế <u>VND</u>	Phần mềm <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	634.022.186.438	171.441.137.057	45.123.866.943	9.981.954.396	860.569.144.834
Mua trong kỳ	38.989.188.810	-	797.700.000	-	39.786.888.810
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	24.546.992.700	-	-	-	24.546.992.700
Chuyển sang chi phí trả trước	-	-	(421.218.000)	-	(421.218.000)
Tại ngày 30/6/2013	<u>697.558.367.948</u>	<u>171.441.137.057</u>	<u>45.500.348.943</u>	<u>9.981.954.396</u>	<u>924.481.808.344</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	-	164.046.950.666	19.785.842.656	9.576.786.959	193.409.580.281
Khấu hao trong kỳ	177.366.782	1.222.235.376	4.422.719.431	70.446.490	5.892.768.079
Chuyển sang chi phí trả trước	-	-	(163.089.443)	-	(163.089.443)
Tại ngày 30/6/2013	<u>177.366.782</u>	<u>165.269.186.042</u>	<u>24.045.472.644</u>	<u>9.647.233.449</u>	<u>199.139.258.917</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2016	<u>697.381.001.166</u>	<u>6.171.951.015</u>	<u>21.454.876.299</u>	<u>334.720.947</u>	<u>725.342.549.427</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>634.022.186.438</u>	<u>7.394.186.391</u>	<u>25.338.024.287</u>	<u>405.167.437</u>	<u>667.159.564.553</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 168.841.611.106 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 168.896.621.106 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Kho Càng Cái Cui - Cần Thơ	234.715.614.164	235.149.280.732
Dự án Amoniac	46.244.721.193	44.003.993.921
Nhà ở Cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.148.525.618
Kho Tây Ninh	23.564.079.455	23.268.818.182
Kho Đà Nẵng	22.875.662.950	22.875.662.950
Kho Ninh Thuận	15.403.269.351	-
Kho Trà Nóc	4.238.253.953	4.238.253.953
Các công trình khác	27.889.315.903	65.051.131.521
	<u>411.272.987.587</u>	<u>430.735.666.877</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	136.405.727.000	275.983.680.195	412.389.407.195
Tại ngày 30/6/2013	136.405.727.000	275.983.680.195	412.389.407.195
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	3.127.851.442	21.439.952.830	24.567.804.272
Khấu hao trong kỳ	735.071.070	5.738.845.854	6.473.916.924
Tại ngày 30/6/2013	3.862.922.512	27.178.798.684	31.041.721.196
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	<u>132.542.804.488</u>	<u>248.804.881.511</u>	<u>381.347.685.999</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>133.277.875.558</u>	<u>254.543.727.365</u>	<u>387.821.602.923</u>

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai; Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh; Tòa nhà Văn phòng Cần Thơ tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, thành phố Cần Thơ do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

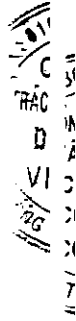
Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	VND Hoạt động chính	
				30/6/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	127.500.000.000	127.500.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	93.750.000.000	93.750.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	51	21.410.000.000	21.410.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	81	81	58.796.800.000	58.796.800.000
				<u>466.456.800.000</u>	<u>466.456.800.000</u>

Thị công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	VND Hoạt động chính	
				30/6/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) (1)	TP. Cà Mau	35,63	35,63	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX) (2)	TP. Hải Phòng	24,72	24,72	499.000.000.000	499.000.000.000
				<u>599.000.000.000</u>	<u>599.000.000.000</u>

Thị công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
Sản xuất và kinh doanh xơ sợi
Polyeste



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

- (1) Trong 6 tháng đầu năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh của PVC-Mekong bị lỗ, do vậy Công ty đã đánh giá sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư vào PVC-Mekong dựa trên báo cáo tài chính thu thập được tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tài sản thuần của PVC-Mekong thấp hơn số vốn góp của các cổ đông là 160.709.037.411 đồng. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại PVC-Mekong với số tiền 57.255.196.111 đồng.
- (2) Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX), tài sản thuần của PVTEX là 1.801 tỷ đồng, thấp hơn số vốn đã góp của các cổ đông là 300 tỷ đồng. Nguyên nhân là do PVTEX có khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản với số tiền 351 tỷ đồng. Tại thời điểm lập báo cáo này, PVTEX vẫn đang trong giai đoạn chạy thử trước hoạt động, nhà xưởng và dây chuyền sản xuất đang trong giai đoạn đầu tư và theo kế hoạch khoản chênh lệch tỷ giá này sẽ được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của PVTEX trong thời gian tối đa không quá 5 năm. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định không phải trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào PVTEX.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Công ty	Tỷ lệ	30/6/2013	31/12/2012
	sở hữu (%)	VND	VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	10,27%	57.373.067.921	57.373.067.921
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao - Văn hóa Dầu khí (PSCC)	10,00%	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)	14,55%	4.750.000.000	4.750.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	6,78%	16.902.000.000	16.902.000.000,00
		83.625.067.921	83.625.067.921
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác			
<i>Trong đó:</i>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu Khí (PAIC)		(418.286.920)	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)		(926.990.398)	-
		(1.345.277.318)	-
Giá trị thuần của khoản đầu tư dài hạn khác		82.279.790.603	83.625.067.921

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và nhận thấy ngoài hai khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí ("PAIC") và Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam ("PSP") có dấu hiệu suy giảm giá trị cần phải phải trích lập dự phòng, các khoản đầu tư dài hạn còn lại không bị suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước tiền thuê đất	4.775.513.767	5.056.426.345
Vật tư, phụ tùng thay thế	38.562.548.662	46.275.058.387
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.505.376.238	10.049.470.325
	<u>56.843.438.667</u>	<u>61.380.955.057</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	532.229.491
Thuế xuất, nhập khẩu	4.245.816.041	602.523.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119.204.274.278	110.029.012.584
Thuế thu nhập cá nhân	652.883.936	150.982.320
Các loại thuế khác	126.388.280	3.003.718.002
	<u>124.229.362.535</u>	<u>114.318.466.349</u>

Tình hình nộp ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Phải nộp	Lũy kế từ đầu kỳ tới cuối kỳ		Phải nộp
	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.337.097.930	1.337.097.930	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	532.229.491	22.752.903.238	23.285.132.729	-
Thuế xuất, nhập khẩu	602.523.952	21.976.366.087	18.333.073.998	4.245.816.041
Thuế thu nhập doanh nghiệp	107.715.581.016	183.785.013.232	174.894.123.105	116.606.471.143
Thuế thu nhập cá nhân	(3.271.996.321)	32.317.232.916	28.392.352.659	652.883.936
Thuế tài nguyên	-	250.494.495	250.494.495	-
Thuế bảo vệ môi trường	2.956.744.198	5.197.839.802	8.049.606.000	104.978.000
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	160.131.985	160.131.985	-
Các loại thuế khác	46.973.804	118.056.858	143.620.382	21.410.280
Tổng cộng	108.582.056.140	267.901.136.543	254.851.633.283	121.631.559.400
<i>Trong đó:</i>				
-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	114.318.466.349			124.229.362.535
-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.736.410.209			2.597.803.135
+) Thuế thu nhập cá nhân	3.422.978.641			-
+) Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.313.431.568			2.597.803.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2013 (i)	216.372.731.145	151.714.209.145
Chi phí an sinh xã hội (ii)	83.025.104.359	73.570.862.067
Khác	55.103.686.314	64.860.663.847
	<u>354.501.521.818</u>	<u>290.145.735.059</u>

(i) Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã trích thêm 64.658.522.000 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ cho năm 2013.

(ii) Theo Nghị quyết số 432/NQ-DKVN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong kỳ, Công ty đã trích lập chi phí thực hiện các hợp đồng an sinh xã hội 50 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn Tập đoàn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 83.025.104.359 đồng.

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu phải trả các Công ty con	-	10.414.712.380
Cổ tức phải trả	20.178.403.764	16.502.443.664
Phải trả, phải nộp khác	24.313.314.490	12.201.912.750
	<u>44.491.718.254</u>	<u>39.119.068.794</u>

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

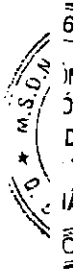
21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		
Số dư tại 01/01/2012	3.800.000.000.000	-	(83.961.341.647)	(835.361.854)	1.407.397.263.345	488.321.761.273	2.627.050.933.666	8.237.973.254.783							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	2.984.475.769.255	2.984.475.769.255							
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	-	(1.486.131.615)	-	-	-	-	(1.486.131.615)							
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	1.092.062.462.603	312.017.846.458	(1.404.080.309.061)	-							
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(371.789.010.426)	(371.789.010.426)							
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.887.771.600.000)	(1.887.771.600.000)							
Khác	-	-	-	756.458.357	-	-	-	756.458.357							
Số dư tại 01/01/2013	3.800.000.000.000	-	(85.447.473.262)	(78.903.497)	2.499.459.725.948	800.339.607.731	1.947.885.783.434	8.962.158.740.354							
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.333.523.310.636	1.333.523.310.636							
Cổ phiếu quỹ bán trong kỳ	-	21.179.913.858	83.150.649.142	-	-	-	-	-							
(1)															
Trích quỹ từ lợi nhuận (2)	-	-	-	-	-	145.015.524.162	(145.015.524.162)	-							
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	-	(201.784.316.811)	(201.784.316.811)							
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	(759.868.520.000)	(759.868.520.000)							
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	(50.963.416)	-	-	(439.999)	(51.403.415)							
Số dư tại 30/6/2013	3.800.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(129.866.913)	2.499.459.725.948	945.355.131.893	2.374.740.293.098	9.638.308.373.764							

(1) Phản ánh số tiền thu về từ việc bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ của Công ty.

(2) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty với số tiền tương ứng 145.015.524.162 đồng và 76.636.719.055 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013, đồng thời Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 với số tiền 125.147.597.756 đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

(3) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 1.703.754.320.000 đồng, trong đó tạm ứng cổ tức đợt 1 là 566.331.480.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) trong Quý 3/2012, đợt 2 là 377.554.320.000 đồng trong Quý 4/2012 (1.000 đồng/cổ phần), và đợt 3 (đợt cuối) công bố ngày 18 tháng 6 năm 2013 (2.500 đồng/cổ phần), theo đó, trong kỳ Công ty đã trích 759.868.520.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế để chi trả khoản cổ tức này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	30/6/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	65.740	2.445.680
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	379.934.260	377.554.320
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 3.800.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	(%)	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	61,37	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.467.957.470.000	38,63	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	3.800.000.000.000	100,00	3.800.000.000.000	3.800.000.000.000

22. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất và dịch vụ trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013			
Doanh thu thuần	4.378.939.457.951	128.646.168.283	4.507.585.626.234
Giá vốn hàng bán	2.438.861.419.548	127.177.158.075	2.566.038.577.623
Lợi nhuận gộp	1.940.078.038.403	1.469.010.208	1.941.547.048.611
Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012			
Doanh thu thuần	6.204.398.246.972	99.306.693.678	6.303.704.940.650
Giá vốn hàng bán	3.925.903.922.142	98.045.783.464	4.023.949.705.606
Lợi nhuận gộp	2.278.494.324.830	1.260.910.214	2.279.755.235.044

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN (Tiếp theo)**

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất và dịch vụ trong nước như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu Ure	4.085.684.979.690	4.603.991.914.211
Doanh thu bán Đạm Cà Mau	5.340.486.106	1.559.070.983.383
Doanh thu điện	1.145.437.372	2.062.412.560
Doanh thu khác	333.212.192.070	116.728.882.888
	<u>4.425.383.095.238</u>	<u>6.281.854.193.042</u>
Chiết khấu thương mại	46.443.637.287	77.455.946.070
	<u>4.378.939.457.951</u>	<u>6.204.398.246.972</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.710.674.432.463	1.621.223.178.681
Chi phí nhân công	163.487.252.986	187.670.405.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.454.658.955	96.387.473.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.942.313.798	214.987.066.135
Chi phí khác bằng tiền	42.779.108.037	218.091.355.933
	<u>2.377.337.766.239</u>	<u>2.338.359.480.207</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	218.809.282.666	290.179.351.411
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.033.105.647	35.070.744.841
Lãi chênh lệch tỷ giá	479.098.957	770.660.408
Khác	-	720.000
	<u>259.321.487.270</u>	<u>326.021.476.660</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.762.100.459	1.129.303.694
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	43.119.621.991	-
	<u>44.881.722.450</u>	<u>1.129.303.694</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế cho kỳ hiện hành	178.361.448.852	219.073.335.811
Điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của năm trước bổ sung	5.423.564.380	(517.971.532)
Tổng chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>183.785.013.232</u>	<u>218.555.364.279</u>

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	7.007.576.690	7.188.223.094
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	27.525.442.761	27.378.244.375
Sau năm năm	21.790.975.519	28.388.829.557
	<u>56.323.994.970</u>	<u>62.955.297.026</u>

Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm.

Ngày 01 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê là 1.500 USD/tháng.

Cam kết khác

Theo Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 và các Phụ lục bổ sung với Tổng Công ty Khí Việt Nam, giá mua khí trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 6,56 USD/MMBTU (từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6,43 USD/MMBTU).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hệ số đòn bẩy tài chính		
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và tương đương tiền	5.439.801.281.661	5.209.946.797.179
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	9.638.308.373.764	8.962.158.740.354
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.439.801.281.661	5.209.946.797.179
Phải thu khách hàng và phải thu khác	253.141.903.818	61.628.148.368
Đầu tư ngắn hạn	336.669.130.366	59.477.046.183
Đầu tư dài hạn	82.279.790.603	83.625.067.921
Tổng cộng	<u>6.111.892.106.448</u>	<u>5.414.677.059.651</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	365.816.325.994	416.124.179.960
Chi phí phải trả	354.501.521.818	290.145.735.059
Tổng cộng	<u>720.317.847.812</u>	<u>706.269.915.019</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	9.514.872.064	64.381.819.564
Euro (EUR)	-	-	18.100.114.208	6.940.940.364
Đô la Úc (AUD)	-	-	73.352.220	-

Số dư các khoản công nợ tài chính và tài sản tài chính có gốc ngoại tệ tại Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng công nợ tài chính và tài sản tài chính. Do vậy, việc thay đổi tỷ giá ngoại tệ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong), Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) và Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền 58.600.473.429 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng bao gồm: phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) về ủy thác vốn đầu tư và lãi ủy thác dự thu đã quá hạn với tổng số tiền 110.143.267.289 đồng; phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan tiền ứng trước mua hàng hóa với số tiền 9.153.800.000 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.439.801.281.661	-	5.439.801.281.661
Phải thu khách hàng và phải thu khác	253.141.903.818	-	253.141.903.818
Đầu tư ngắn hạn	336.669.130.366	-	336.669.130.366
Đầu tư dài hạn	-	82.279.790.603	82.279.790.603
Tổng cộng	<u>6.029.612.315.845</u>	<u>82.279.790.603</u>	<u>6.111.892.106.448</u>
30/6/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	365.816.325.994	-	365.816.325.994
Chi phí phải trả	354.501.521.818	-	354.501.521.818
Tổng cộng	<u>720.317.847.812</u>	<u>-</u>	<u>720.317.847.812</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>5.309.294.468.033</u>	<u>82.279.790.603</u>	<u>5.391.574.258.636</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MÃU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.209.946.797.179	-	5.209.946.797.179
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.628.148.368	-	61.628.148.368
Đầu tư ngắn hạn	59.477.046.183	-	59.477.046.183
Đầu tư dài hạn	-	83.625.067.921	83.625.067.921
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tổng cộng	5.331.051.991.730	83.625.067.921	5.414.677.059.651
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	416.124.179.960	-	416.124.179.960
Chi phí phải trả	290.145.735.059	-	290.145.735.059
Tổng cộng	706.269.915.019	-	706.269.915.019
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.624.782.076.711	83.625.067.921	4.708.407.144.632


Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.


 Hoàng Thị Lan Anh
 Người lập biểu


 Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2013